

CÁC XU HƯỚNG TÌNH CẢM TÔN GIÁO Ở CHÂU ÂU VÀ NGA¹ (Phần một)

Tóm tắt: Những cuộc khảo sát giá trị Châu Âu (*European Values Surveys - EVS*) năm 1981 và năm 1990 cho thấy sự suy giảm của hầu hết các biến số thuộc về tôn giáo, thậm chí sự suy giảm còn diễn ra sắc nét hơn trong giới trẻ, ngoại trừ biến số niềm tin vào cuộc sống đời sau. Những người trả lời trẻ tuổi dường như lại có ít tính tôn giáo hơn. Các kết quả này khẳng định luận điểm về sự gia tăng thế tục hóa ở Châu Âu và Phương Tây. Tuy nhiên, gần đây nhất là cuộc khảo sát năm 1999 cho thấy xu hướng giảm xuống này trở thành đối trọng với hai xu hướng khác: sự đổi mới bên trong Kitô giáo và sự gia tăng hiện tượng “tin mà không theo” (*believing without belonging*), điều hiển nhiên là cả hai hiện tượng này đã phát triển nhiều hơn trong giới trẻ. Sức mạnh của mỗi xu hướng thuộc ba xu hướng phát triển này thay đổi tùy thuộc vào từng quốc gia được khảo sát. Các hiện tượng tương tự như vậy thậm chí rõ rệt hơn ở các nước Đông Âu (thuộc khối Cộng sản trước đây) và ở Nga, một lần nữa cũng xuất hiện đặc biệt trong giới trẻ. Những thay đổi đó có thể được giải thích là một bước ngoặt sau khi từ bỏ tính tôn giáo (*break with religiosity*) đặc trưng của những năm 1960 và 1970.

Bắt đầu vào cuối những năm 1960 và cho tới gần đây ở Tây Âu (Western Europe) (từ những năm 1950 các quốc gia Tây Âu đã có các cuộc thăm dò ý kiến), người ta đã thấy Kitô giáo đang suy giảm. Sự suy giảm này bắt đầu từ thế hệ những người sinh ra sau Chiến tranh Thế giới thứ 2 (baby-boom), dần dần mở rộng tới tất cả các nhóm tuổi. Phân tích *Cuộc khảo sát giá trị Châu Âu (EVS)* lần đầu tiên năm

¹ Bài viết có tiêu đề “*Trends in Religious Feeling in Europe and Russia*”, tác giả Yves Lambert (Amy Jacobs dịch sang tiếng Anh), đăng trên Tạp chí *Revue française de sociologie* 2006/5 (Vol.47), tr. 99-129.

1981, Jean Stoetzel nhấn mạnh rằng giới trẻ dường như ít tính tôn giáo hơn. Với 38 câu hỏi liên quan tới tôn giáo, cuộc điều tra này cung cấp một bản đồ đáng tin cậy về tính tôn giáo ở Châu Âu. EVS lần thứ hai, được thực hiện vào năm 1990, xác nhận xu hướng này với những ngoại lệ sau (Lambert, 1995): sự gia tăng cảm nhận “giáo hội đang đem lại những giải đáp thỏa đáng đối với các nhu cầu tâm linh của người dân” và với thế hệ mới ở độ tuổi từ 18 đến 24, có niềm tin mạnh mẽ hơn vào cuộc sống đời sau, thiên đường và địa ngục. Tôi phân tích xu hướng này trong bài viết, làm sáng tỏ những tác động khác nhau liên quan tới độ tuổi, thời điểm trong vòng đời (position in the life cycle) và thế hệ, để đưa ra kết luận: sự suy giảm là hiệu ứng của một thời kỳ (ví dụ: sự tác động tới tất cả các lứa tuổi, thời kỳ suy giảm bắt đầu diễn ra vào cuối những năm 1960) và sự đổi mới mang tính thế hệ: thế hệ mới có ít tính tôn giáo hơn thế hệ trước.

Các công trình mà các nhà xã hội học khảo cứu qua hai bộ dữ liệu khảo sát này để đưa ra các phân tích quan trọng như: “The Unchurched of Europe?” (Phi giáo hội đang diễn ra ở Châu Âu?) (Ashford và Timms, 1992) và “The Secularizing Society” (Xã hội đang thế tục hóa) (Dobbelaere và Jagodzinski, 1995; Halman và Riis, 1999), cũng như phân tích của tôi vào năm 1995 trong “Vers une Europe post-chrétienne?” (Hướng tới một Châu Âu hậu Kitô giáo?). Đối với 9 quốc gia trong cuộc khảo sát tổng thể vào năm 1981 và khảo sát lại vào năm 1990, tỷ lệ thành viên hoặc “quy thuộc” (belonging) Kitô giáo giảm từ 85% xuống 70%, tỷ lệ này còn 64% với những người thuộc nhóm tuổi 18-29, và tất cả các chỉ báo ngoại trừ các chỉ báo đã được đề cập ở trên đều đang có xu hướng giảm sút. Sự phát triển này xác nhận luận đề thế tục hóa đã được đặt ra vào những năm 1960 ở Hoa Kỳ, nơi có sự giảm sút diễn ra ở các hệ phái Kitô giáo chính. Theo Peter Berger, một nhà lý thuyết đầu tiên và có ảnh hưởng nhất về hiện tượng này, thì thế tục hóa là “quá trình mà các lĩnh vực thuộc về xã hội và văn hóa được dịch chuyển ra khỏi sự thống trị của các biểu tượng và thiết chế tôn giáo” (1967, tr. 107). Đề cập tới các kết quả nghiên cứu đối với toàn thể thế giới Kitô giáo, nhà xã hội học người Mỹ - David Martin (1978) đã cho thấy tình hình đa dạng tùy theo quốc gia và hệ phái (Công giáo, Tin Lành Calvin, Tin Lành Luther, Chính Thống giáo). Với cả hai phân tích này, hiện tượng được

quan sát ít nhiều đã cho thấy sự suy giảm rõ rệt cảm xúc tôn giáo trong lĩnh vực riêng tư, trong khi ở các lĩnh vực khác, sự giảm sút không thể đảo ngược được do quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa (Acquaviva, 1967) và thậm chí còn có giả thuyết về sự biến mất dần dần của tôn giáo cùng với sự tiến bộ của hiện đại hóa. Đồng thời với công nghiệp hóa và đô thị hóa, thì hiện tượng này cũng được cho là do các quá trình cá nhân hóa, duy lý hóa và sự phân hóa về chức năng (ví dụ, tôn giáo bây giờ chỉ là một lĩnh vực trong nhiều lĩnh vực). Marcel Gauchet (1985) đã nói về sự “tự già” mang tính xã hội khỏi tôn giáo, có nghĩa là tôn giáo đã không còn thích hợp đối với việc thực hiện chức năng xã hội, dù điều đó không nhất thiết là tôn giáo đã biến mất khỏi cấp độ ý thức cá nhân. Trong thực tế, sự phát triển của hiện tượng “tin mà không theo”, đặc biệt là ở Anh (Davie, 1996), liên quan tới gia tăng niềm tin vào sự tái sinh mà các cuộc điều tra khác đã làm sáng tỏ, cho thấy niềm tin trở lại có liên quan tới sự lan truyền của các niềm tin “song song” (parallel beliefs) như chiêm tinh học, thần giao cách cảm, v.v., dường như gợi ra rằng niềm tin đang trượt ra ngoài lĩnh vực tôn giáo đã được thiết chế hóa.

Tuy nhiên, các tác giả khác đã giải thích các kết quả này như là những dấu hiệu của sự trở lại của tính tôn giáo trên toàn thế giới. Một số nhà phân tích trước đó đã đảo ngược các đánh giá của họ. Để đáp ứng việc mở rộng quan sát về các phong trào Phúc âm, Ngũ tuần và Thánh linh, sự nổi lên của các phong trào hay giáo phái tôn giáo mới (NRMs), sự sụp đổ của Chủ nghĩa cộng sản ở Thế giới Phương Tây và sự gia tăng của chủ thuyết chính thống tôn giáo (religious fundamentalism) trên toàn thế giới, Peter Berger đã nói vào năm 2001 về sự “giải thể tục hóa” (desecularization). David Martin, người đưa ra lý luận về thế tục hóa, đồng ý với quan điểm của Berger. Rõ ràng là có các hiện tượng hồi sinh tôn giáo ở chính Châu Âu: sự lan truyền của các nhánh Kitô giáo như đề cập ở trên, sự tác động của Giáo hoàng John Paul II, đời sống của Đông Âu hậu Chủ nghĩa Cộng sản, sự tái cấu trúc của các bản sắc (Davie và Hervieu-Léger, 1996), cũng như các cuộc cải đạo, hành hương, và Ngày Giới trẻ Công giáo Thế giới (Hervieu-Léger, 1999). Những hiện tượng này dù sao cũng bị hạn chế hơn ở Châu Âu, nơi mà xu hướng chính vẫn suy giảm. Grace Davie (2002) tiến xa hơn khi nói về một “ngoại lệ” của Châu Âu.

Cuộc khảo sát giá trị Châu Âu gần đây nhất vào năm 1999, đưa tới sự ngạc nhiên trong lĩnh vực này, cho thấy những thay đổi dẫn tới sự hoài nghi về sự suy giảm tôn giáo, đặc biệt trong giới trẻ, nhóm có sự sụt giảm mạnh nhất (Lambert, 2002). Những thay đổi này cùng với các yếu tố khác đang tác động tới các thái độ buông lỏng kỷ cương và chống lại giáo quyền, đặc biệt trong số những người trẻ. Vấn đề “bước ngoặt” đã được đặt ra, hoặc ít nhất có một đường uốn cong rõ ràng, trong xu hướng được quan sát từ cuối những năm 1960. Bài viết này phân tích sự phát triển dựa trên 3 cuộc Khảo sát Giá trị Châu Âu, một lần nữa nhấn mạnh vào các hiện tượng lứa tuổi, thời kỳ, và thế hệ. Sau đó bài viết đi tới vấn đề lý giải những thay đổi.

Địa bàn nghiên cứu ở đây được mở rộng thêm bao gồm cả Đông Âu và Nga, cũng như tất cả các nước hiện nay được đưa thêm vào EVS. Chỉ 9 nước thuộc Cộng đồng Kinh tế Châu Âu trước đây được khảo sát vào năm 1981 (được đánh dấu bằng dấu hoa thị ở trong các bảng): Bỉ, Đan Mạch, Pháp, Anh, Ireland, Italia, Hà Lan, Tây Ban Nha và Tây Đức. Cuộc khảo sát năm 1981 còn có sự tham gia của Thụy Điển, Áo và Iceland. Các nước Tây Âu khác tham gia vào cuộc khảo sát năm 1990, trừ Hy Lạp chỉ tham gia vào năm 1999. Ở Đông Âu, chỉ riêng Hungary có thể tham gia vào cuộc khảo sát năm 1981; các nước khác bắt đầu khảo sát vào năm 1990 (gồm Bulgaria, Czechoslovakia, Đông Đức, Estonia, Hungary, Latvia, Lithuania, Ba Lan, Romania, Nga, Slovenia). Khi cần thiết, dữ liệu EVS được bổ sung bằng dữ liệu từ Chương trình điều tra xã hội quốc tế (International Social Survey Programme - ISSP), một cuộc điều tra thường niên vào năm 1991 và 1998 tập trung vào tôn giáo, mặc dù nó không bao quát hết các quốc gia¹.

Cuối cùng, liên quan tới vấn đề hệ phái, chúng tôi có thể phân loại các quốc gia khác nhau thành ba nhóm (Bréchon, 2002a; Lambert, 1995, 2002): các nước Công giáo, các nước Tin Lành và các nước hỗn hợp. Nếu chúng tôi sắp xếp các quốc gia từ mức độ cao nhất tới thấp nhất về tính tôn giáo đối với tất cả các biến số được xem xét², chúng tôi thường thấy có một trật tự tương tự nhau. Các nước Công giáo được xếp theo thứ tự sau: Ireland, Bồ Đào Nha, Italia, Áo, Tây Ban Nha, Bỉ, và Pháp. Tiếp theo, với các nước hỗn hợp gồm: Đức, Anh, và Hà Lan (Thụy Sĩ không nằm trong khảo sát nhưng được cho là có một

diện mạo tôn giáo tương tự với Đức). Cuối cùng tới các nước Tin Lành theo phái Luther gồm: Phần Lan, Đan Mạch, Na Uy (không chính thức bao gồm nhưng có so sánh với Đan Mạch), và Thụy Điển. Trật tự này được sử dụng trong các bảng biểu.

Diễn biến tôn giáo theo các cuộc khảo sát giá trị Châu Âu năm 1981, 1990 và 1999

Trước hết chúng tôi tập trung vào 9 nước thuộc khối EEC trước đây có trong ba cuộc khảo sát này, để xem chúng đã tiến triển như thế nào cho tới năm 1999. Nếu loại trừ niềm tin vào sự tái sinh, điều mà không được xem là thuộc về Kitô giáo, thì chúng tôi có 19 biến số không đòi liên quan đến tôn giáo mà có thể đem so sánh đối với ba cuộc khảo sát này. Những biến số này dựa trên các quan điểm sau: “sự quy thuộc” (hoặc không) đối với một tôn giáo; tự nhận mình có tôn giáo (“người có tôn giáo” - a religious person); cầu nguyện (“có thực hiện một số động tác cầu nguyện, thiền hoặc chiêm niệm hoặc động tác nào đó như vậy”; “nhận được sự an ủi và sức mạnh từ tôn giáo hay không nhận được”; tầm quan trọng của niềm tin tôn giáo đối với việc nuôi dạy trẻ; đi lễ nhà thờ (church attendance); không tham gia và có tham gia đấu tranh trong các hoạt động tôn giáo; tự tin vào giáo hội; cảm thấy “giáo hội đem lại những giải đáp thỏa đáng đối với các nhu cầu tâm linh của người dân”; đối với “các vấn đề luân lý và nhu cầu của cá nhân”, và “đối với những vấn đề của đời sống gia đình”; tầm quan trọng của Thiên Chúa trong đời sống của những người tham gia trả lời; tin vào Thiên Chúa; tin vào Thiên Chúa có nhân tính; tin vào tội lỗi; vào đời sống sau khi chết; vào thiên đường, và vào địa ngục. Bắt đầu với cuộc khảo sát năm 1990, năm biến số đã được thêm vào như: tầm quan trọng của tôn giáo đối với cuộc sống của người trả lời; gắn bó với các dịch vụ tôn giáo trong các sự kiện như: sinh ra, kết hôn, qua đời; và chấp nhận các giải đáp của giáo hội đối với các vấn đề xã hội. Ở đây, tôi đi theo những sự phát triển trong tổng số 24 chỉ báo này, sai số $\pm 2\%$ v.v., có những biến động lên đến và bao gồm 2% được đưa ra để chỉ sự ổn định. Trước hết chúng tôi xem dân số một nước như một chỉnh thể, sau đó chia nhóm người trẻ ở độ tuổi 18-29, mặc dù độ tuổi thích hợp nhất là 18-24, để có một số lượng đáng tin cậy về các đối tượng nghiên cứu cho tất cả các quốc gia.

Ở cấp độ dân số như một chỉnh thể, chúng tôi phát hiện thấy có sự sụt giảm tổng thể từ năm 1981 (hoặc 1990) đến 1999: 12 biến số cho thấy xu hướng đi xuống này, 9 biến số ổn định, và 3 biến số tăng trở lại.

1) Các biến số sụt giảm nổi bật trong suốt thời kỳ đầu tiên gồm: tự xác nhận mình là “người có tôn giáo”; cảm thấy “nhận được sự an ủi và sức mạnh từ tôn giáo”; thuộc về một tôn giáo (từ 85% xuống 75%); đến nhà thờ ít nhất một lần một tháng (từ 36% xuống 30%); tin vào giáo hội (là tổ chức giải quyết được rất nhiều hoặc khá nhiều thứ); tin vào Thiên Chúa (từ 74% xuống 68%); tin vào tội lỗi (từ 57% xuống 47%). Tuy nhiên, sự suy giảm trong những biến số này rõ ràng diễn ra chậm từ năm 1990 đến năm 1999, và ngừng hẳn đối với biến số quy thuộc tôn giáo và cảm nhận tôn giáo là một nguồn an ủi.

2) Các chỉ báo tương đối ổn định bao gồm có niềm tin vào cuộc sống sau khi chết (43%) và gắn bó với một dịch vụ tôn giáo trong các sự kiện như: sinh ra, kết hôn và qua đời.

3) Các biến số gia tăng là quan điểm cho rằng “giáo hội đem lại những giải đáp thỏa đáng đối với nhu cầu tâm linh của con người” (44% lên 52%); tin vào một “Thiên Chúa có nhân tính” (từ 30% lên 38%); và tin vào địa ngục (từ 22% lên 25%). Sự gia tăng niềm tin vào một “Thiên Chúa có nhân tính” chủ yếu thuộc về các tín đồ Kitô giáo đi lễ nhà thờ đều đặn, đức tin của họ cũng mãnh liệt hơn trước đây.

Từ năm 1981 đến năm 1990, có sự sụt giảm tổng thể (ngoại trừ biến số về khả năng của giáo hội đáp ứng các nhu cầu tâm linh vẫn tăng mạnh), trong khi có sự sụt giảm nhẹ từ năm 1990 đến 1999, một số biến số đã ngừng giảm và thậm chí còn tăng. Sự đảo ngược này được thấy đối với biến số quy thuộc tôn giáo, các đáp ứng của giáo hội đối với các nhu cầu luân lý, niềm tin vào Thiên Chúa có nhân tính, và tin vào địa ngục. Giải thích về sự suy giảm này được cho là do “khủng hoảng” về mặt thiết chế đối với giáo hội (Institutional crisis) (Davie, 2002) chứ không phải xuất phát từ sự “khủng hoảng” nói chung đối với tôn giáo đã không chống đỡ được thực tế là sự suy giảm này đã ảnh hưởng tới các chỉ báo tính tôn giáo của cá nhân dù một số chỉ báo nhất định về mặt thiết chế vẫn ổn định hoặc gia tăng.

Khi xem xét nhóm độ tuổi 18-29 trong 9 nước như trên, chúng tôi quan sát thấy chỉ có 4 biến số bị suy giảm, trong khi 9 biến số vẫn ổn định và 11 biến số tăng.

4) Những biến số đang sụt giảm trong giới trẻ như: quy thuộc về một tôn giáo (78% xuống 68% trong toàn bộ thời kỳ từ năm 1981 đến năm 1999); tham dự nhà thờ hàng tháng (25% xuống 19%); cảm thấy “giáo hội đem lại những giải đáp thỏa đáng đối với những vấn đề xã hội” (từ 22% xuống 19% từ năm 1990 đến năm 1999); và tầm quan trọng của Thiên Chúa đối với cuộc sống của người trả lời (từ 38% xuống 35%).

5) Các biến số tăng: tầm quan trọng của đức tin trong việc nuôi dạy con trẻ (từ 9% lên 12%); gắn bó với dịch vụ tôn giáo trong các sự kiện sinh ra (57% lên 60%), kết hôn (61% lên 64%), qua đời (68% lên 72%); cảm thấy “giáo hội đem lại những giải đáp thỏa đáng đối với các vấn đề luân lý và các nhu cầu” (22% lên 31%), tin vào cuộc sống sau khi chết (38% lên 44%), tin vào địa ngục (16% lên 23%), tin vào thiên đường (30% lên 35%).

Một lần nữa, sự sụt giảm diễn ra chủ yếu từ năm 1981 đến năm 1990 và sau đó yếu đi, thậm chí đảo ngược lại, như trường hợp quy thuộc tôn giáo (63% vào năm 1990 lên 68% vào năm 1999) và niềm tin vào Thiên Chúa (56% lên 60%). Hơn nữa, các biến số tăng bao gồm có các chỉ báo tính tôn giáo dựa trên thiết chế: sự quy thuộc, gắn bó với các dịch vụ tôn giáo, các đáp ứng của giáo hội trong các vấn đề tâm linh, luân lý và gia đình.

Những khác biệt trong tiến trình này có sự gia tăng ở các quốc gia (Bảng I). Từ năm 1981 đến 1990 (và từ 1990 đến 1999 đối với những biến số nhất định), có sự sụt giảm đối với nước có dân số lớn như ở Anh (20 trong số 24 biến số giảm xuống), Tây Ban Nha (19 biến số), Ireland (16 biến số) và Pháp (15 biến số); sự ổn định diễn ra ở các nước Bỉ, Tây Đức, Áo, Hà Lan và Thụy Sĩ (Campiche, 2001)³; và có xu hướng tăng lên ở Italia (21 biến số tăng), Đan Mạch (16 biến số), và Thụy Điển (13 biến số). Từ năm 1981 đến năm 1990, sự sụt giảm (được đo bằng số lượng các biến sụt giảm ở các nước) nổi trội ở hầu hết các nước (Tây Ban Nha, Áo, Bỉ, Pháp, Tây Đức, Anh, Thụy Điển), trong khi Italia và Hà Lan cân bằng, còn Ireland và Đan Mạch có nhiều biến tăng hơn biến giảm.

Bảng I: Diễn biến tôn giáo của các nước Tây Âu từ 1981 (hoặc 1990) đến 1999

	Ireland*		Italia*		Bồ Đào Nha*		Tây Ban Nha*		Áo		Bỉ*		Pháp*		Tây Đức*		Hà Lan*		Anh*		Đan Mạch		Thụy Điển		9Nước			
	81	99	81	99	90	99	81	99	90	99	81	99	81	99	81	99	81	99	81	99	81	99	81	99	81	99	81	99
Quy thuộc và thực hành																												
Thuộc về một tôn giáo	98	90	93	82	82	88	91	82	85	87	74	63	73	57	90	82	59	46	85	82	94	88	93	76	85	75		
- Công giáo	95	87	93	81	70	85	90	81		79	70	55	70	53	40	36	30	24	11	13	1	1	1	1	2	55	49	
- Tin Lành	2	2	0	0	0	0	0	0	6	2	3	1	2	3	2	50	42	25	17	74	51	92	87	90	70	29	22	
Tham dự ít nhất một lần một tháng	85	67	50	53	41	51	54	36	44	42	36	28	18	12	37	32	39	26	25	19	7	12	13	9	36	30		
Tâm quan trọng của dịch vụ TG/sinh 90/99	93	89	83	86	73	89	73	75	82	81	71	66	63	60	64	62	46	41	65	55	68	64	54	58	65	66		
Tâm quan trọng của dịch vụ TG/cưới 90/99	94	91	79	82	77	87	72	72	80	76	72	67	66	64	67	66	51	46	79	64	63	62	57	61	68	68		
Tâm quan trọng của dịch vụ TG/chết 90/99	96	95	81	86	76	91	73	77	82	85	74	70	70	70	75	75	60	56	84	74	78	79	77	76	74	74		
Tình tôn giáo nói chung, các giáo hội																												
Tự nhận mình là người có tôn giáo	58	71	82	83	68	85	63	56	45	75	61	62	51	44	59	52	60	63	59	37	44	71	56	37	62	56		
Cầu nguyện, thiện hoặc chiêm niệm	75	82	71	77	61	72	69	61	40	67	52	61	43	39	59	52	55	70	53	47	37	50	33	44	58	56		
Nhận được sự an ủi và sức mạnh từ TG	71	80	62	68	62	77	57	49	49	58	43	47	37	32	44	47	39	44	48	33	19	30	27	29	48	45		
Tin vào Giáo hội	70	52	59	66	56	79	50	41	56	38	55	42	53	44	47	39	36	29	49	33	37	55	37	44	51	43		
Giáo hội đáp ứng các nhu cầu tâm linh	55	57	43	66	49	65	45	48	59	53	37	46	47	51	47	54	32	37	43	47	21	40	37	44	44	52		
Giáo hội đáp ứng các nhu cầu văn để hạn lý	38	25	39	43	47	42	34	29	29	26	29	29	33	26	36	36	22	24	32	23	9	12	13	14	34	31		
Niềm tin (có/không)																												
Thiên Chúa	93	93	84	88	81	93	87	81	79	83	74	66	61	56	73	66	62	60	77	61	42	62	51	47	74	68		
Một Thiên Chúa có nhân tính	68	63	51	70	61	77	55	46	41	31	36	29	26	21	25	36	29	23	31	28	15	24	18	16	30	38		
Tội lỗi	83	79	62	67	63	65	58	44	62	57	43	41	41	37	60	41	46	39	70	57	20	18	34	23	57	47		
Cuộc sống sau khi chết	71	68	48	61	31	37	55	40	50	50	36	40	35	39	38	38	41	46	47	43	23	32	28	39	43	43		
Hỏa ngục	46	46	31	42	21	31	24	27	36	16	15	18	15	18	15	20	13	13	27	28	7	8	10	9	22	25		
Thiên đường	86	77	41	50	49	51	50	42	57	38	30	30	26	28	32	31	37	35	57	45	11	16	26	28	39	38		
Sự tái sinh	26	19	20	15	23	24	25	16	26	19	12	17	22	25	19	18	11	20	26		13	15	15	19	21	15		

Nguồn: Cuộc khảo sát giá trị Châu Âu; Đọc số liệu: 98% người Ireland trả lời thuộc về một tôn giáo vào năm 1981, 90% vào năm 1999; * 9 quốc gia EEC tham gia và ba cuộc điều tra 1981, 1990, và 1999 (có trọng số trung bình dân số dưới 17 tuổi của mỗi quốc gia); Lưu ý: Từ trái sang phải: các nước Công giáo, các nước hỗn hợp và các nước Tin Lành Luther.

Bảng II: Diện biến tôn giáo của những người trẻ (18-29 tuổi) ở Tây Âu từ năm 1981 (hoặc 1990) tới 1999

	Ireland*		Italia*		Bồ Đào Nha		Tây Ban Nha*		Áo		Bỉ*		Pháp*		Tây Đức*		Hà Lan*		Anh*		Đan Mạch		Thụy Điển		9Nước*		
	81	99	81	99	90	99	81	99	90	99	81	99	81	99	81	99	81	99	81	99	81	99	81	99	81	99	
Quy thuộc và thực hành																											
Thuộc về một tôn giáo	98	86	89	80	63	82	82	71	89	90	70	56	56	47	90	83	52	30	83	75	94	90	90	76	78	68	
- Công giáo	95	82	87	79	62	78	80	70	80	83	66	41	51	41	39	39	25	16	14	12	1	1	1	1	1	52	46
- Tỉnh Lành	2	4	-	-	-	1	5	-	5	6	1	3	2	2	48	37	24	10	67	55	92	95	86	67	23	18	
Tham dự ít nhất một lần một tháng	83	43	33	40	32	38	34	13	35	25	29	17	11	6	21	23	35	14	19	12	3	5	6	7	25	19	
Tâm quan trọng của dịch vụ TG/sinh 90/99	91	86	74	83	67	82	59	64	77	75	60	61	56	58	39	57	40	37	60	47	68	62	53	52	57	60	
Tâm quan trọng của dịch vụ TG/cưới 90/99	91	90	72	77	70	75	57	60	75	68	62	68	61	65	48	67	46	41	76	61	68	65	64	62	61	64	
Tâm quan trọng của dịch vụ TG/chết 90/99	96	95	76	82	71	81	58	67	79	80	66	72	69	74	59	70	57	51	82	74	80	79	83	79	68	72	
Tình tôn giáo nói chung, các giáo hội																											
Tự nhận mình là người có tôn giáo	54	63	71	79	39	73	45	39	45	66	61	53	38	34	39	45	53	55	38	24	32	53	15	25	47	45	
Cầu nguyện, thiện hoặc chiêm niệm	71	76	62	68	48	58	59	45	40	53	45	52	33	34	40	48	52	64	41	44	32	41	24	37	47	48	
Nhận được sự an ủi và sức mạnh từ TG	65	50	46	53	49	62	37	27	39	48	34	37	24	24	27	32	31	39	28	25	12	24	13	20	32	33	
Tin vào Giáo hội	64	29	42	54	43	67	28	23	38	27	44	35	37	36	28	32	29	20	34	30	28	45	18	24	35	34	
Giáo hội đáp ứng các nhu cầu tâm linh	48	51	31	61	41	60	23	38	57	47	29	47	42	51	35	50	30	36	39	45	17	36	31	40	34	48	
Giáo hội đáp ứng các nhu cầu, vấn đề luân lý	33	13	23	48	36	40	22	19	31	25	24	28	29	31	23	36	17	24	19	23	7	11	8	15	22	31	
Niềm tin (có/không)																											
Thiên Chúa	92	90	75	87	68	86	76	68	66	77	70	54	44	47	55	56	54	45	63	52	30	49	33	36	61	60	
Một Thiên Chúa có nhân tính	62	48	51	63	47	63	40	27	23	27	28	21	17	16	16	30	20	14	28	26	9	21	11	13	24	31	
Tội lỗi	80	77	46	65	51	53	40	28	53	53	39	41	29	32	47	36	42	31	64	52	14	17	21	19	44	42	
Cuộc sống sau khi chết	67	58	40	64	21	32	44	35	46	53	33	41	30	42	30	38	39	46	44	43	22	40	32	44	38	44	
Hỏa ngục	40	39	18	39	14	21	19	15	-	-	10	23	11	21	8	17	11	14	25	25	6	10	6	8	16	23	
Thiên đường	72	73	29	49	36	41	32	28	-	-	24	36	18	32	22	29	32	34	48	39	8	19	17	23	30	35	
Sự tái sinh	27	20	23	20	18	29	25	17	28	23	12	27	19	31	18	22	21	-	17	12	14	20	14	22	20	22	

Người: Cuộc điều tra giá trị Châu Âu. *Độc số liệu:* 98% người Ireland trả lời thuộc về một tôn giáo vào năm 1981, 90% vào năm 1999; (*) 9 quốc gia EEC tham gia cả ba cuộc điều tra 1981, 1990, và 1999 (có trọng số trung bình dân số dưới 17 tuổi của mỗi quốc gia)

Go to Settings to activate Windows.

Từ năm 1990 đến năm 1999, chỉ có Tây Ban Nha, Ireland, Pháp, và Anh tiếp tục giảm; các nước khác tương đối ổn định (ví dụ: Bỉ) hoặc tăng (Italia, Tây Đức, Áo, Thụy Sĩ). Bồ Đào Nha và Phần Lan là những nước mới tham gia vào cuộc khảo sát nhưng cũng có các biến tăng từ năm 1990 đến năm 1999.

Trong số những người ở độ tuổi 18-29, sự sụt giảm được thấy ở Tây Ban Nha (19 biến số), Ireland (14), và Anh (13); Pháp ở giữa với sự thay đổi theo hướng tăng lên; Hà Lan và Thụy Sĩ cân bằng; tất cả các nước khác đều tăng: Italia (22 biến tăng), Bỉ (13), Áo (10), Tây Đức (19), Đan Mạch (17), Thụy Điển (14), và từ năm 1990 đến 1999, Bồ Đào Nha (18) và Phần Lan (18). Có 3 trường hợp liên tục tăng trong hai giai đoạn 1981-1990 và 1990-1999 (Italia, Đan Mạch, Thụy Điển) và 3 trường hợp dịch chuyển theo hướng tăng lên (Áo, Bỉ, Tây Đức). Theo cuộc khảo sát năm 2003, xu hướng tăng lên cũng được thấy tại Pháp (Lambert, 2003).

Nhìn chung, một số nước đặc trưng có xu hướng rõ ràng, đó là sụt giảm tôn giáo (Ireland, Tây Ban Nha, Anh), hoặc tăng tôn giáo (Bồ Đào Nha, Tây Đức, Đan Mạch, Thụy Điển, Phần Lan), trong khi các nước khác trong tình trạng ở giữa. Nếu đúng như vậy thì các nước Bắc Âu đã được dự báo trước về sự phát triển ở Châu Âu - đó là tình hình tôn giáo từ năm 1981 đến năm 1990 và tình hình tiếp tục như vậy đối với một số khu vực khác - đó là lý do để dự đoán rằng những trường hợp mới về sự gia tăng tôn giáo.

Vậy thì tại sao những thay đổi mạnh mẽ như vậy lại có thể lan từ quốc gia này đến quốc gia khác?⁴ Khi đặt ra câu hỏi như vậy, các đồng nghiệp từ các quốc gia khác cho biết họ vẫn đang tìm hiểu để xác định nguyên nhân đưa tới những biến đổi đã được nhận thấy. Giải thích sau đây như một gợi ý để thảo luận. Ở Ireland và Tây Ban Nha trong thời gian khảo sát, xu hướng này có thể do một dạng phiên bản muộn như những gì xảy ra ở Quebec, v.v., diễn ra sau nhưng quá trình hiện đại hóa được đẩy nhanh, đã làm thức tỉnh những gì vốn được bao bọc bởi truyền thống Công giáo. Đối với Ireland, sự tác động của khủng hoảng luân lý liên quan tới giáo sĩ có lẽ cũng là một phần cho lời giải thích. Đất nước này, vốn đặc trưng bởi tính tôn giáo mức độ cao và có sự liên kết mạnh giữa tôn giáo và bản sắc dân tộc, giờ cũng

có sự sụt giảm mạnh khi chúng tôi quan sát từ người cao tuổi tới người trẻ, sự sụt giảm chắc chắn cũng do quá trình hiện đại hóa diễn ra muộn và mạnh mẽ.

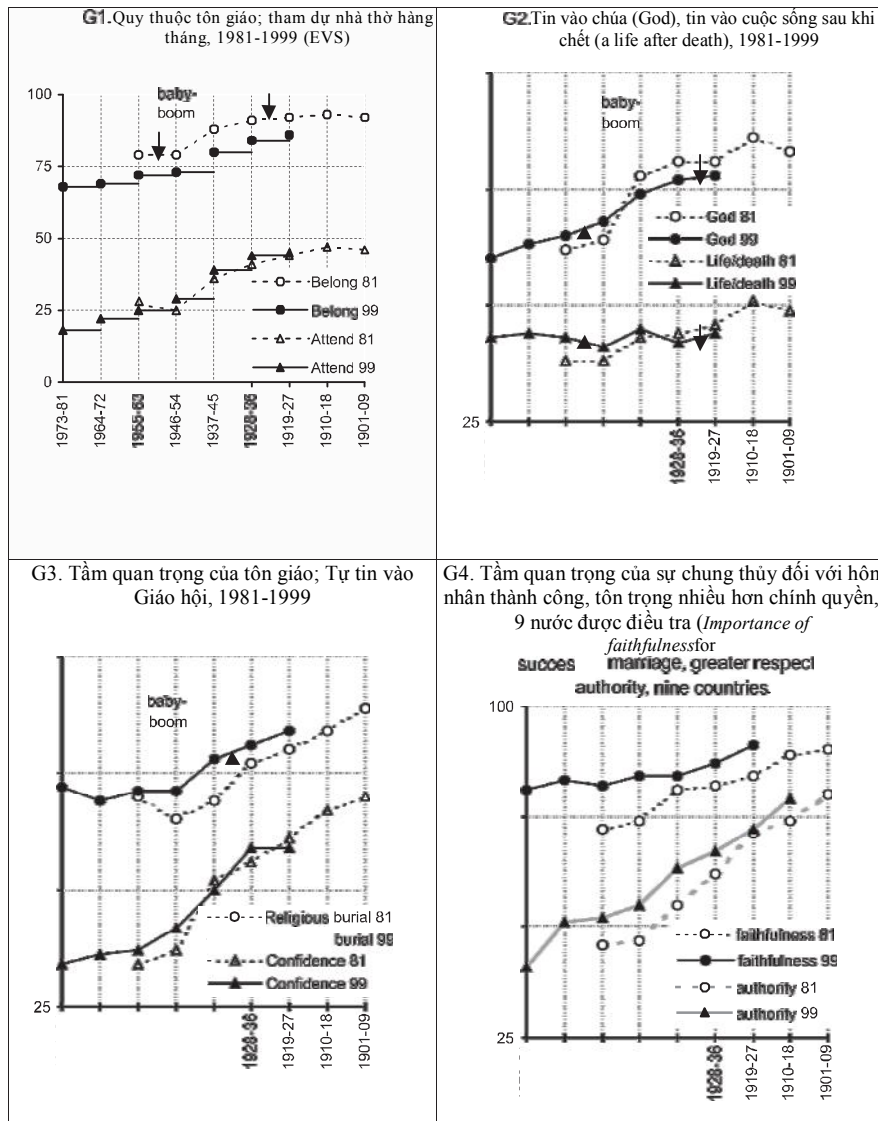
Phân tích theo độ tuổi, thế hệ, sự già hóa, và thời kỳ

Để hiểu rõ hơn về sự phát triển này, điều cần thiết là hãy quan sát xem tính tôn giáo đã tiến triển như thế nào theo lứa tuổi và thế hệ từ những năm 1950 ở các quốc gia này vì chúng tôi có dữ liệu để lùi xa hơn. Đối với 9 quốc gia được xem xét ở đây, việc phân tích theo nhóm (nhóm năm sinh) cũng đem lại thông tin chỉ dẫn cao; tức là, lần theo tiến trình của các nhóm theo độ tuổi 1981 (1990, 1999) và quan sát thấy vị trí của các thế hệ mới; tức là, những người có độ tuổi 18-26 vào năm 1990, và sau đó là vào năm 1999 (Biểu đồ G1 và G3).

Phân tích Cuộc khảo sát giá trị 1981, Jean Stoetzel nhấn mạnh: “Ở Châu Âu ngày nay, những người trả lời lớn tuổi có tỷ lệ cao hơn về tính tôn giáo trong quan điểm, niềm tin và hành vi. Ngược lại, những người trẻ hơn dường như lại không tôn giáo (irreligious) nhiều hơn. Tuy nhiên, nhóm trẻ tuổi có nhiều sắc thái: phi tính tôn giáo (irreligiosity) không đạt tới đỉnh trong số những người trẻ nhất mà chỉ ở khoảng 30 tuổi” (Stoetzel, 1983, tr. 231 -232).

Trong suốt những năm 1950 và 1960 (đối với các nước sẵn có dữ liệu), hầu hết các biến số tôn giáo theo đường cong hình chữ J từ người trẻ tới người già nhất: tính tôn giáo giảm cho tới nhóm tuổi 30, sau đó bắt đầu trở lại theo độ tuổi. Điều này được giải thích tùy thuộc thời điểm trong vòng đời. Sự sụt giảm ban đầu là sự phản ánh về khả năng đang trở nên tự chủ của người trẻ đã trưởng thành so với mức độ tương đối cao của tính tôn giáo ở tuổi vị thành niên do có sự giáo dục tôn giáo. Mức độ thấp ở tuổi 30 được cho rằng do sự bận tâm với công việc và các vấn đề gia đình; sự trở lại ở những người trưởng thành hơn 40 tuổi bởi sự sẵn sàng và có khả năng nhiều hơn để dành cho các mối quan tâm khác khi mà con cái đã trưởng thành, khả năng còn tăng hơn nữa khi tới tuổi nghỉ hưu. Cuối cùng, viễn cảnh về cái chết cũng làm mạnh thêm mối quan tâm tới tôn giáo: “Tuổi già, như Cicero nói, đem chúng ta tới gần hơn với cái chết”. (Stoetzel, tr. 94).

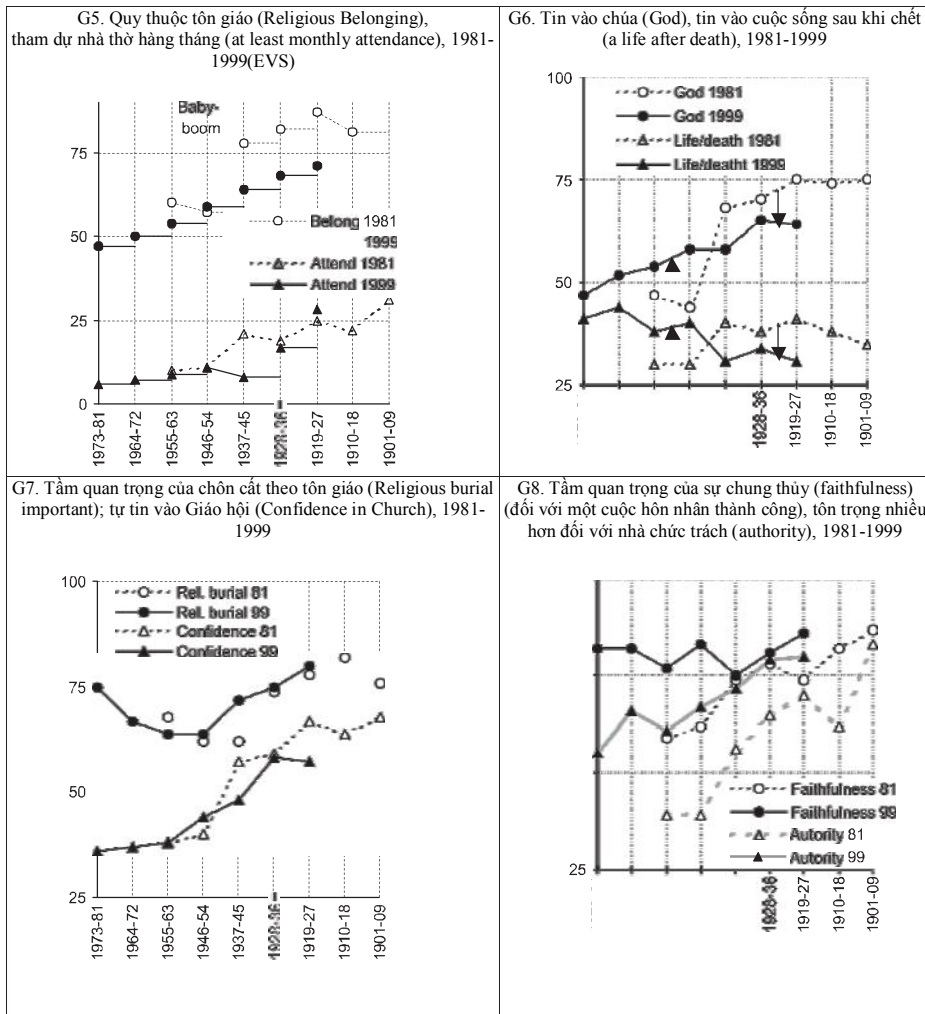
Diễn biến của một số chỉ báo quan trọng từ năm 1981 đến năm 1999 theo nhóm ở 9 quốc gia



Những biểu đồ này cho thấy mỗi nhóm (phần năm sinh được đưa ra trên phần đường kẻ ngang) tiến triển như thế nào từ năm 1981 đến 1999, tương ứng với khoảng cách trực thăng giữa điểm trên đường chấm cong, 1981, và điểm trên đường vẽ liền, 1999. Ví dụ, thế hệ baby-boom (1946-1954) ít hơn vào năm 1999 so với năm 1981 đối với tỷ lệ quy quốc về một tôn giáo (G1) trong khi tăng tính tôn giáo hơn ở hai chỉ báo khác (G2 và G3); đánh giá cao hơn sự trung thành và

quyền lực (G4). Các biểu đồ cũng minh họa các loại chuyển dịch chính: 1) Tính tôn giáo sụt giảm cùng với sự thay đổi thế hệ (quy thuộc, tham dự nhà thờ, tin vào giáo hội) và/hoặc với thời kỳ (quy thuộc); 2) Tính tôn giáo tăng với hai hiện tượng này (gắn bó với dịch vụ tôn giáo); 3) Ảnh hưởng của sự lão hóa theo những hướng đối lập ở bên này hay bên kia của thế hệ then chốt baby-boom được thể hiện bằng đường kẻ trục thẳng đứng (niềm tin vào Thiên Chúa và một cuộc sống sau khi chết).

Diễn biến của một số chỉ báo quan trọng từ năm 1981 tới 1999 theo nhóm ở Pháp



Các đường cong biểu thị diễn biến giá trị Pháp trong năm 1981 rõ ràng cho thấy có sự bứt phá liên quan tới thế hệ baby-boom (1946-1954), được thể hiện phía bên trái của đường kẻ thẳng. Vào năm 1999, cường độ bứt phá xuất hiện suy yếu rõ rệt: các thành viên của thế hệ này có cùng mức độ quy thuộc, đi nhà thờ (G5), và tin vào giáo hội (G7) năm 1981 nhưng dường như tin vào Thiên Chúa và một cuộc sống sau khi chết tăng hơn (G6), đối lập trực tiếp với các thế hệ trước những người có niềm tin ít hơn vào năm 1999 so với trong năm 1981. Sự quy thuộc và đi nhà thờ sụt giảm cả ở thế hệ mới và lùi lại về tổng thể do tác động của cả một thời kỳ. Gắn bó với một dịch vụ tôn giáo trong sự kiện qua đời cũng tăng trong những thế hệ mới nhất. Hai biến đổi đáng chú ý nhất là hướng đảo ngược của đường cong biểu thị niềm tin vào cuộc sống sau khi chết (ảnh hưởng của sự lão hóa đã đảo ngược lại với thế hệ then chốt baby-boom, G6) và đánh giá lại sự trung thành và quyền lực, đặc biệt ở các thế hệ hậu chiến tranh (liên quan tới các ảnh hưởng của thế hệ và thời kỳ).

Năm 1981 có hai sự kiện mới được nhận thấy: sự từ bỏ tính tôn giáo diễn ra một cách rõ rệt của thế hệ “phản kháng” baby-boom (1946-1954) và có một sự sụt giảm nói chung, ngoại trừ ở trong nhóm người lớn tuổi nhất. Vào năm 1990, sự từ bỏ lại được nhìn thấy, và sự giảm sút nói chung còn diễn ra mạnh mẽ hơn (ngoại trừ, như đã đề cập, với những vấn đề như đáp ứng của giáo hội với những nhu cầu tâm linh và niềm tin vào một cuộc sống sau khi chết đối với những người trẻ tuổi).

Chúng ta quan sát thấy gì vào năm 1999? Đối với 9 nước được xem xét trong cả năm 1981 và năm 1999, thế hệ baby-boom (45-53 tuổi vào năm 1999) phần nào trở lại với tôn giáo ở hầu hết các chỉ báo ngoại trừ chỉ báo quy thuộc tôn giáo và niềm tin vào tội lỗi cùng với sự già đi. Do đó đây là một sự trở lại do sự tác động của tuổi tác như trước đây. Sự tiến triển tương tự cũng được thấy trong nhóm tiếp theo (1955-1963, 36-44 tuổi vào năm 1999), là những người theo bước những người đi trước. Hơn nữa, trong khi mỗi thế hệ mới hậu baby-boom (new post baby-boom generation) đứng vị trí đầu về cấp độ tính tôn giáo cao hơn thế hệ trước, người trẻ sinh sau năm 1964 cho thấy độ ổn định (ngoại trừ chỉ báo quy thuộc và tham dự nhà thờ vẫn sụt

giảm), và thậm chí có xu hướng tăng lên (đối với chỉ báo gắn bó với dịch vụ tôn giáo với sự kiện qua đời và niềm tin vào cuộc sống sau khi chết). Sự thay mới về thể hệ do đó không tương ứng với sự sụt giảm tính tôn giáo. Ở các thế hệ sinh trước năm 1946, những người có sự sụt giảm tính tôn giáo đến muộn hơn và ở mức vừa phải hơn, từ năm 1981 đến năm 1999 sự sụt giảm nổi trội (ngoại trừ đối với chỉ báo cảm nhận về sự đáp ứng của giáo hội đối với các nhu cầu tâm linh và niềm tin vào Thiên Chúa có nhân tính). Sự thay đổi ấn tượng nhất liên quan tới chỉ báo niềm tin vào cuộc sống sau khi chết, chỉ báo này tăng lên trong các thế hệ sinh ra sau năm 1946 trong khi lại đang sụp đổ ở những thế hệ khác, điều này cho thấy Cicero không phải đã đúng. Sự thay đổi này dường như đặc biệt ấn tượng bởi niềm tin vào một cuộc sống sau khi chết nhìn chung là một trong những niềm tin có ý nghĩa nhất, đi liền với niềm tin vào Thiên Chúa.

Pháp là một trong những nước mà những tác động do độ tuổi và thể hệ kịch tính nhất (Biểu đồ G5 và G7) (Lambert, 2000a). Sự từ bỏ tính tôn giáo bắt đầu bởi những người thuộc thế hệ baby-boom được thể hiện rõ qua các đường kẻ cong năm 1981, đặc biệt là đường cong đại diện cho chỉ báo niềm tin vào Thiên Chúa, từ năm 1981 đến năm 1999, sự sụt giảm chung về quy thuộc tôn giáo tiếp tục diễn ra. Tuy nhiên, bên trong các thế hệ “chối bỏ” này (break generations) (1946-1963) có sự trở lại một phần với niềm tin vào Thiên Chúa và cao hơn tất cả là niềm tin vào cuộc sống sau khi chết. Khi quá trình già hóa không còn tác động tới sự gia tăng niềm tin ở các thế hệ trước thế hệ baby-boom, chúng ta thấy một trạng thái đáng chú ý đối với chỉ báo *niềm tin vào cuộc sống sau khi chết đang trở nên mạnh mẽ* so với tỷ lệ trực tiếp trả lời của *giới trẻ* được phỏng vấn là hoàn toàn đối lập với những gì mà Stoetzel quan sát. Sự đảo ngược tương tự cũng được thấy ở Italia, Áo, Hà Lan, Đan Mạch và Thụy Điển.

Rõ ràng đây là một sự biến đổi cơ bản từ những năm 1970 và 1980, khi những người trẻ ngày càng ít tính tôn giáo, sự sụt giảm này dần dần ảnh hưởng tới các nhóm tuổi cao hơn, đối trọng với sự gia tăng tính tôn giáo có liên quan tới quá trình già hóa. Sự thay đổi bắt đầu vào những năm 1980 với niềm tin vào một cuộc sống sau khi chết, sau đó mở rộng tới các khu vực khác. Năm 1999, trong khi những sự khác biệt giữa người trẻ và người

già vẫn diễn ra đối với chỉ báo quy thuộc tôn giáo và tham dự nhà thờ, thì tất cả các chỉ số khác đều giảm sự khác biệt. Ngoại trừ niềm tin vào cuộc sống đời sau ở một số quốc gia, thì tính tôn giáo trong giới trẻ vẫn ở mức thấp hơn so với người lớn tuổi (Biểu đồ G2 và G6).

Ba xu hướng diễn ra ở Tây Âu: Bước ra khỏi tôn giáo, sự đổi mới của Kitô giáo, tin mà không theo

Phân tích ở cấp độ sâu hơn, có ba xu hướng hay khuynh hướng chính có thể được nhận diện ở đây: Sự tiếp tục dịch chuyển ra khỏi tôn giáo; sự đổi mới trong Kitô giáo; và sự gia tăng hiện tượng tin mà không theo. Có thể nhận thấy những vận động đi lên về tính tôn giáo bên trong Kitô giáo và liên quan tới xu hướng thứ ba “tin mà không theo” trong ba xu hướng này. Ba xu hướng được biểu hiện ở tất cả các nước, nhưng với tỷ lệ khác nhau, và chúng tôi vẫn chưa thấy quan điểm nào giải thích về những nguyên nhân dẫn tới những khác biệt giữa các nước⁵. Phân tích dưới đây vượt ra ngoài giới hạn 9 nước thuộc khối EEC cũ đã được khảo sát vào năm 1981, 1990 và 1999.

Tiếp tục bước ra khỏi tôn giáo

Ở cấp độ chính thể dân số, sự quy thuộc tôn giáo tiếp tục giảm ở tất cả các nước ngoại trừ Bồ Đào Nha (1990-1999), mặc dù có một tỷ lệ chậm hơn sau năm 1990 (Bảng I). Trong số những người trẻ ở 9 quốc gia thuộc khối EEC cũ, chỉ báo quy thuộc tôn giáo thấp hơn vào năm 1999 so với năm 1981 (Bảng II). Nhưng từ năm 1990 tới năm 1999, chỉ báo này được duy trì ở mức ổn định tại Italia, Bỉ, Pháp, và Đan Mạch, trong khi có sự gia tăng ở Tây Đức (có lẽ cũng gặp trường hợp nước Anh, nơi mà thang đo có vấn đề). Chỉ báo này cũng tăng ở Thụy Điển và Bồ Đào Nha. Mức độ quy thuộc thấp nhất được tìm thấy ở Bỉ (56%), Pháp (47%), và Hà Lan (30%). Điều này cũng đúng với trường hợp Kitô giáo nói riêng, trên thực tế chỉ báo mức độ quy thuộc nói chung thấp hơn vài phần trăm so với chỉ báo quy thuộc nói chung vì thật sự là các tôn giáo khác không có nhiều mẫu đại diện. Sự quy thuộc Kitô giáo giảm xuống dưới 50% như Hà Lan (41%) và trong giới trẻ ở Hà Lan (26%), Pháp (43%) và Bỉ (44%). Điểm mới ở đây là phần lớn người tuyên bố không tôn giáo đều chưa bao giờ quy thuộc về một tôn giáo nào: đây chính là một lực địa mới đã và đang phát triển, mà ở đó các cá nhân không có tôn giáo “gốc” (of origin).

Sự phát triển của tính tôn giáo mà không có sự quy thuộc tôn giáo

Grace Davie là người đầu tiên nhấn mạnh xu hướng này, ông gọi đây là “tin mà không theo”, một hiện tượng hiện đang biểu hiện ở tất cả các nước, và thể hiện mạnh mẽ nhất trong giới trẻ (Bảng III). Xu hướng này chiếm ưu thế hơn ở lĩnh vực niềm tin, điều đó lý giải vì sao tôi từng gọi đây là tính tôn giáo “trệch ra khỏi đường trượt tuyết” (Lambert, 2000a). Hiện tượng này diễn ra mạnh nhất ở những biến số ít nghiêm ngặt nhất của “Kitô giáo”: “thực hiện các động tác cầu nguyện, thiên hay chiêm niệm hoặc làm những điều gì tương tự như vậy”; tin vào “cuộc sống sau khi chết”, một niềm tin mà có thể bao hàm nhiều ý niệm khác nhau như sự tái sinh; niềm tin vào Thiên Chúa như “một dạng sức mạnh tâm linh hay sự sống”; chuyển sang “khám phá những lời rao giảng của các truyền thống tôn giáo khác” hơn là việc chỉ “gắn với một niềm tin riêng biệt” (biến số được đưa vào cuộc khảo sát năm 1999 ở một số nước). Việc phân tích thành phần giải thích rằng các biến số này xác định một trục khác so với trục dành cho tính tôn giáo của Kitô giáo. Hơn nữa, trong các cuộc phỏng vấn, những người tin mà không quy thuộc thích nói về “tính tâm linh” (spirituality) hơn là “tôn giáo” (religion), cho thấy sự thiếu tin cậy với tôn giáo.

Bảng III. Diễn biến tôn giáo của giới trẻ (18-29 tuổi) ở 9 nước EEC cũ* từ năm 1981 tới 1999 (Các cuộc khảo sát giá trị Châu Âu)

	Công giáo		Tin Lành		Không tôn giáo	
	1981	1999	1981	1999	1981	1999
<i>Các thái độ tôn giáo</i>						
Tham dự ít nhất một lần/tháng	39	30	16	14	2	2
Tầm quan trọng của dịch vụ tôn giáo/sinh ra	77	80	59	58	30	31
Tầm quan trọng của dịch vụ tôn giáo/kết hôn	77	80	71	71	39	35
Tầm quan trọng của dịch vụ tôn giáo/qua đời	82	86	78	79	47	45
Thành viên trong một nhóm, tổ chức tôn giáo	10	10	13	10	1	2
Tình nguyện viên trong nhóm, tổ chức tôn giáo	4,4	4,2	4,5	4,1	0,6	0,8
Tự nhận mình là người có tông giáo	64	66	40	34	15	17
Thấy thoải mái và có sức mạnh từ tôn giáo	45	46	25	28	6	10
Tin vào Giáo hội (giải quyết được rất nhiều + khá nhiều)	47	49	32	38	8	11
Giáo hội đem lại các câu trả lời thỏa đáng với						
- các nhu cầu tâm linh của người dân	41	61	33	45	17	30
- các nhu cầu và vấn đề luân lý	29	39	18	29	9	18
- các vấn đề của đời sống gia đình	27	30	20	25	6	11
- các vấn đề xã hội (90/99)	27	24	26	18	14	9
Tin vào Thiên Chúa	80	82	58	56	20	27
... vào Thiên Chúa có nhân tính	30	45	23	27	6	11

... vào lực lượng tâm linh hay đời sống	39	33	34	27	29	31
... vào tội lỗi	53	56	49	42	16	18
... vào cuộc sống sau khi chết	46	55	36	41	19	27
... vào sự tái sinh	23	24	20	19	15	21
Đạo đức						
Chung thủy trong hôn nhân là quan trọng	77	85	78	87	58	74
Chung thủy không lỗi thời	70	70	74	65	47	50
Tôn trọng nhiều hơn với nhà cầm quyền là điều tốt	53	43	43	44	30	44
Phá thai không bao giờ được phán xét (1/thang đo 1-10)	29	20	19	15	9	9
Đồng tính không bao giờ được phán xét	40	11	26	12	18	9
Gian lận về thuế không bao giờ được phán xét	71	74	71	75	51	69
Dùng cần sa không bao giờ được phán xét	69	49	66	46	47	40

Đối với 9 quốc gia được xem xét, trong số những người trẻ không tôn giáo thì mức độ tự nhận là “một người có tôn giáo” tăng từ 15% vào năm 1981 lên 17% vào năm 1999; tin vào Thiên Chúa tăng từ 20% lên 27%; và tin vào cuộc sống đời sau tăng từ 19% lên 27%. Thiên Chúa (God) trong định nghĩa của những người trả lời rõ ràng được hiểu nghiêng về “một dạng sức mạnh tâm linh hoặc sự sống” nhiều hơn là “một Thiên Chúa có nhân tính”, và trong số các ý niệm về thần thánh trong cuộc khảo sát ISSP, thuật ngữ “sức mạnh siêu việt” đã được đưa ra trước tất cả các thuật ngữ khác. Điều thú vị, hình ảnh giáo hội thực sự trở nên mạnh mẽ hơn trong số những người có niềm tin (Bảng III). Dạng tự chủ về tính tâm linh đang phát triển, đặc biệt ở các nước có mức độ thể tục hóa cao như Pháp, Bỉ, Anh, và cao nhất là ở Hà Lan, nơi mà có 54% người được phỏng vấn tuyên bố không tôn giáo có “thực hiện một số động tác cầu nguyện, thiền hoặc chiêm niệm, hoặc một số động tác tương tự như vậy”. Các cuộc khảo sát đối với những người trẻ Hà Lan về tuyên bố không tôn giáo cho thấy sự đa dạng đáng kể trong hình ảnh về Thiên Chúa (những người thuộc Kitô giáo gốc coi Thiên Chúa như một năng lượng, sự nhận thức vũ trụ (cosmic consciousness), một phần thần thánh trong tất cả mọi người, v.v.) và đa dạng về các thực hành cầu nguyện (sự cầu viện tới Thiên Chúa trong những lúc khó khăn, thậm chí không quan tâm tới người nhận chính xác; một dạng tự trị liệu thông qua thiền thư giãn) (Janssen và Prins, 2000). Có thể cho rằng đây là một loại tính tôn giáo thay thế trong những người đã từ bỏ tôn giáo, nhưng đó dường như là đặc trưng của những người chưa bao giờ quy thuộc về một tôn giáo nào. Và

hiện tượng này dường như quan trọng hơn “các giáo phái” hay các phong trào tôn giáo mới (NRMs), chỉ ảnh hưởng dưới 1% những người trẻ tuổi, mặc dù vậy các cuộc khảo sát giá trị ISSP chỉ mới đưa ra một ý kiến nhỏ về hiện tượng này bởi vì các câu hỏi vẫn chưa đủ khai thác nó một cách hiệu quả. Cũng như vậy, sẽ là cần thiết để đề cập tới những ý niệm trước đây về thần thánh, ví dụ, các chấn động mang tính tích cực hoặc tiêu cực, các kinh nghiệm cận tử, v.v., “Thần bí-bí truyền”, “tâm lý-thần bí”, mà các nhóm hậu Thời Đại Mới (post New Age) không còn hoài nghi gì vì đây chính là điểm cốt yếu trong những niềm tin của họ (Champion và Rocchi, 2001). Cuối cùng, những người tin nhưng không theo sẵn sàng hơn trong việc tham gia vào các niềm tin “song song” (chiêm tinh học, thần giao cách cảm, công năng nhìn xuyên thấu những thứ vô hình, các bùa may) và các niềm tin này được chia sẻ bởi rất nhiều người Kitô giáo, đặc biệt là những người ít thực hành thường xuyên nhất.

Sự đổi mới Kitô giáo

Sự đổi mới có lựa chọn này loại bỏ các khía cạnh mang tính ép buộc (tham dự nhà thờ, trở thành thành viên của một nhóm giáo hội hoặc người đấu tranh) và cảm giác tội lỗi (tin vào Tội tổ tông), cũng như các giải đáp được đưa ra bởi giáo hội đối với những vấn đề luân lý và xã hội. Sự đổi mới đó rõ rệt ở Italia, Bồ Đào Nha và Đan Mạch; tại Áo, Tây Đức và Thụy Điển diễn ra ở mức trung bình; ở Bỉ, Pháp và Hà Lan giảm nhẹ; trong khi tại Ireland, Tây Ban Nha và Anh không diễn ra. Nhìn chung điều này cũng đúng với những người Kitô giáo trẻ (Bảng III). Cụ thể, hiện tượng này diễn ra đặc biệt mạnh trong giới trẻ tại Italia, Bồ Đào Nha, Đan Mạch và Thụy Điển và diễn ra mạnh đối với những người tin vào cuộc sống sau khi chết, vào những giải đáp của giáo hội về những vấn đề và nhu cầu luân lý. Mặt khác, nó không còn tác động tới sự tham dự nhà thờ, tình trạng này đang giảm ở tất cả mọi nơi ngoại trừ Italia, hoặc tới sự tham gia vào các đoàn thể đấu tranh (ở cấp độ ổn định) - liệu đó có phải là biểu hiện của sự mất niềm tin vào bất kỳ cam kết lâu dài nào. Hơn nữa, sự đổi mới này có tác động mạnh mẽ đối với giới trẻ Công giáo hơn so với giới trẻ Tin Lành (trừ ở Tây Đức). Sự khác biệt về cấp độ tính tôn giáo giữa hai nhóm này, đương nhiên là đáng kể, đang có xu hướng gia tăng. Những người Công giáo ở khắp nơi tụ họp Ngày Giới trẻ Thế

giới cho thấy sự đổi mới Kitô giáo trong những người trẻ, điều này đã được thể hiện lần đầu tiên trong các cuộc thăm dò ý kiến, và đó cũng là để thể hiện sự động viên tôn giáo mạnh mẽ của người Công giáo khi so sánh với người Tin Lành.

Sự đổi mới có ảnh hưởng tới tất cả các phạm trù thực hành của người Kitô giáo. Tuy nhiên, có những khác biệt mạnh giữa người thường đi lễ nhà thờ, tỷ lệ của họ vượt quá 50% ở tất cả các biến số (ngoại trừ biến số đi lễ nhà thờ một lần/một tháng và giải đáp của giáo hội về các vấn đề xã hội, gia đình và luân lý). Ở một thái cực khác, những người Kitô giáo không tham gia thực hành lại có tỷ lệ dưới 50% với tất cả biến số (ngoại trừ biến số gắn bó với các dịch vụ tôn giáo và niềm tin vào Thiên Chúa) và như thế Kitô giáo của những người này có thể được đặc trưng như “một thứ tùy chọn” (à la carte). Tuy nhiên, đây là một dấu hiệu của sự thay đổi: sự tùy ý lựa chọn tôn giáo đang suy giảm dần trong số những người trẻ, mặc dù nó vẫn là một xu hướng chiếm ưu thế lớn hơn. Nếu chúng tôi giả định rằng điểm cốt lõi tối thiểu của Kitô giáo phải đáp ứng 4 điều kiện là: 1) Đi tới nhà thờ ít nhất một lần một năm (ngoại trừ các dịp rửa tội, lễ cưới và lễ tang); 2) Tin vào Thiên Chúa; 3) Tin vào Tội tổ tông, và 4) Tin vào cuộc sống sau khi chết, thì chúng tôi có thể nói rằng trong 9 nước được xem xét ở đây với sự so sánh 1981 -1999, điểm cốt yếu này chỉ được đáp ứng 31% người Kitô giáo vào năm 1999 và 32% vào năm 1981, như thế là gần ổn định, trong khi ở những người trẻ Kitô giáo có 28% vào năm 1999 so với 24% vào năm 1981: cho thấy có sự tăng nhẹ. Các điều kiện cốt yếu như đề cập ở trên dường như được những người Công giáo đáp ứng hơn là những người Tin Lành bởi vì họ thường đến nhà thờ hơn. Tương ứng với tiến trình này, cũng có sự sụt giảm nhẹ trong số những người trẻ Kitô giáo trong chỉ báo niềm tin xác suất (còn nghi ngờ, hoài nghi) và không tin. Tính xác suất của niềm tin này tương ứng với các câu trả lời như “có lẽ có” hoặc “có lẽ không” của người trả lời đối với những câu hỏi về niềm tin. Điều này có thể được đo trong cuộc khảo sát giá trị về vấn đề niềm tin vào Thiên Chúa và trong các nghiên cứu ISSP đối với tất cả các niềm tin.

Cả ba khuynh hướng này được kiểm tra đối với cả hai giới tính nam và nữ cũng như tất cả các cấp độ học vấn và tầng lớp xã hội, mặc dù chúng có những sắc thái riêng. Sự sụt giảm tính tôn giáo diễn ra mạnh hơn một chút trong nữ giới có trình độ học vấn cao (vì khát vọng giải phóng?) và trong số những công nhân lao động chân tay

cũng như những người thất nghiệp, trong khi sự đổi mới Kitô giáo diễn ra mạnh hơn một chút ở nam giới có trình độ học vấn cao, những nhà quản lý cao cấp và những người làm nghề tự do⁶. Trong đó nhóm thứ hai vốn trước đây được đặc trưng bởi tần suất đi lễ nhà thờ cao (cũng giống với trường hợp nông dân) và có mức độ cao nhất “không tôn giáo” (đặc biệt là những người vô thần), thì hiện nay các nhóm có trình độ học vấn tương đối thấp lại hầu như là những người tuyên bố “không tôn giáo”, đặc biệt là những người thất nghiệp, tiếp sau đó là các nam công nhân lao động chân tay. Do vậy tình trạng bên lề xã hội trở thành một nhân tố trong việc giải Kitô giáo hóa (de-Christianization), giống như sự tái lập quá trình vô sản hóa (proletarianization). Trong khi đó, sự thành công về mặt xã hội dường như lại đang sản sinh ra một hiệu ứng đối lập lại.

Tính tôn giáo tăng mạnh hơn ở Đông Âu và Nga

Ở Đông Âu và Nga vào thời điểm điều tra (Bảng IV và V), các nước Công giáo (Ba Lan, Croatia, Slovakia, Lithuania và Slovenia (quốc gia có mức độ Công giáo ít hơn)) cho thấy tính tôn giáo ở mức độ khá cao; còn các nước hỗn hợp tôn giáo có một mức độ trung bình (Latvia, Hungary) hoặc các nước có mức độ thấp hơn (Cộng hòa Séc); các nước Tin Lành Luther (Estonia, Đông Đức) có mức độ tính tôn giáo thấp; và các nước Chính Thống giáo có các mức độ đối lập nhau về tính tôn giáo: cao ở Romania, khá cao ở Ukraine và Belarus (điều tra lần đầu tiên vào năm 1999), trung bình ở Bulgaria, và đặc biệt thấp ở Nga. Chúng ta có quan sát thấy sự trở lại của tính tôn giáo sau sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản hay không? Trên thực tế, ba xu hướng tương tự như vậy được quan sát thấy ở Tây Âu cũng có thể thấy ở các nước Châu Âu cựu cộng sản, cho thấy rằng những nước này đã trải qua ít nhất những ảnh hưởng lớn tương tự như ở Tây Âu. Sự trở lại gần đây của tính tôn giáo thậm chí còn mạnh hơn ở Đông Âu với hiện tượng đổi mới Kitô giáo và tin mà không theo. Sự vận động đi lên rõ ràng diễn ra với tất cả các lứa tuổi ở các nước Chính Thống giáo (Romania, Bulgaria, Nga), tại đây tỷ lệ quy thuộc cũng đang lãng lên, trong khi ở Đông Đức, Slovenia, và Hungary thì xu hướng này thay đổi diễn ra ấn tượng theo từng biến số. Đáng chú ý, mặc dù gần 70 năm người Nga sống dưới chủ nghĩa cộng sản và gần 45 năm với các nước khác, nhưng tỷ lệ “người vô thần kiên định” (convinced atheists) có mức độ cực thấp vào năm

1999, ngoại trừ Đông Đức (20%), đây vốn là những nơi có tình trạng giải Kitô giáo diễn ra thời gian dài: có tỷ lệ “người vô thần kiên định” 8% ở Nga và Cộng hòa Séc, 6% ở Estonia và Bulgaria; ở những nơi khác còn có mức độ này thấp hơn. Cũng giống như vậy ở phía Tây, sự trở lại tôn giáo diễn ra mạnh hơn trong giới trẻ, đáng quan tâm là ở Latvia, Hungary và cả quốc gia thể tục hóa ở mức độ rất cao là Cộng hòa Séc (Luzny và Navátilová, 2001). Cuối cùng, biến số niềm tin vào một cuộc sống sau khi chết đang tiến triển ở tất cả các nước, một lần nữa ngoại trừ Đông Đức, nơi này vẫn có sự ổn định.

Các tài liệu được chuyển tới tại cuộc hội thảo gần đây nhất của Hiệp hội Quốc tế Xã hội học về Tôn giáo (International Society for Sociology of Religion) tại Turin, tháng 7 năm 2003 đã cho phép chúng tôi tinh chỉnh lại phân tích. Sinisa Zrincsak (2003) đã xác định ba hiện trạng chính sau:

(1) Các nước trấn áp chống tôn giáo có tác động lớn như Latvia, Estonia, Bulgaria và Nga (ở Ukraine cũng vậy nhưng không được thảo luận). Ngoại trừ Estonia, các nước này đều đang có sự trở lại của tính tôn giáo được đánh dấu bởi các đặc điểm sau: những người trả lời phỏng vấn nói họ đi tới nhà thờ (ở mức trung bình) nhiều hơn lúc họ ở tuổi 12, và dường như nhận mình là “người có tôn giáo” hơn là xem mình quy thuộc về một tôn giáo cụ thể, đây vốn là điểm đối lập mà thường quan sát thấy. Nói cách khác, một khi áp lực vô thần giảm tải, sẽ có một sự điều chỉnh mà chưa hẳn đã đem tới lợi ích cho giáo hội, đặc biệt nếu giáo hội có liên quan tới các tầng lớp thống trị khi chủ nghĩa cộng sản lên nắm quyền và thiết lập sự bình thường hóa bắt đầu phổ biến vào những năm 1960.

(2) Ở mặt đối lập lại, tình trạng ở các nước mà chắc chắn có sự kháng cự lại áp lực từ chủ nghĩa vô thần, như Lithuania, Ba Lan, Croatia và Romania, đó chính là các nước Công giáo và nước Chính Thống giáo Romania.

Tất cả các nước này được đặc trưng bởi sự liên kết chặt chẽ giữa bản sắc dân tộc và tôn giáo. Hơn nữa, không có sự phá vỡ trong xã hội hóa tôn giáo, và những người trưởng thành hiện đi tới nhà thờ ít thường xuyên hơn so với khi ở độ tuổi 12. Tính tôn giáo vẫn mạnh tương quan với giáo hội đang trở thành giá đỡ chính để kháng cự lại chủ nghĩa cộng sản, mặc dù điều này không thực sự đúng đối với Romania.

Bảng IV: Diện biến tôn giáo của các nước Đông Âu từ năm 1981 (hoặc 1990) tới 1999
(Các cuộc khảo sát giá trị của Châu Âu)

	Ba Lan		Lithuania		Slovenia		Latvia*		Hungary		Czechoslovakia cũ		Đông Đức		Estonia*		Romania*		Nga*		Bulgaria*		
	90	99	90	99	90	99	90	99	90	99	90	99	90	99	90	99	90	99	90	99	90	99	
Quy thuộc và thực hành																							
Thuộc về một hệ phái tôn giáo	99	96	63	81	73	70	37	59	58	57	56	51	35	33	13	25	94	98	36	50	33	70	
- Công giáo	94	94	57	66	69	66	15	17	42	39	48	43	-	10	ã	ã	ã	ã	ã	2	ã	ã	
- Tin Lành	2	1	1	1	ã	1	10	17	13	16	7	7	-	86	8	13	ã	ã	ã	ã	ã	ã	
- Chính thống giáo	1	0	4	4	1	2	10	14	ã	ã	-	-	-	-	4	10	88	85	30	46	24	58	
Tham dự ít nhất một lần/tháng	85	78	-	31	35	30	4	15	23	17	21	27	20	12	-	11	31	46	6	9	9	20	
Tâm quan trọng của dịch vụ TG./sinh ra 90/99	92	95	80	84	72	70	62	52	77	73	51	54	34	24	57	53	85	96	68	67	70	66	
Tâm quan trọng của dịch vụ TG./kết hôn 90/99	94	93	76	80	69	67	57	64	74	74	50	53	40	32	54	53	90	97	53	46	73	72	
Tâm quan trọng của dịch vụ TG./qua đời 90/99	92	94	82	86	73	74	65	76	84	80	61	59	52	37	64	64	87	97	64	69	79	80	
Tình tôn giáo nói chung, các giáo hội																							
Tự nhận mình là người có tôn giáo	91	92	47	74	60	65	34	71	54	58	46	55	33	27	19	36	73	81	52	60	32	74	
Cầu nguyện, thiên hoặc chiêm niệm	86	85	-	55	43	45	25	62	57	60	-	48	47	29	-	48	85	92	33	32	30	32	
Nhận được sự thoải mái và sức mạnh từ tôn giáo	77	75	-	56	43	44	10	52	45	47	-	37	28	26	-	29	71	80	27	47	27	39	
Tự tin vào Giáo hội	82	68	73	62	39	35	62	62	56	47	43	38	43	23	53	38	71	82	59	56	29	33	
Giáo hội đáp ứng các nhu cầu tâm linh	56	96	-	56	50	60	30	64	51	57	-	62	53	57	-	54	70	78	40	57	40	43	
Giáo hội đáp ứng các vấn đề, nhu cầu luân lý	-	54	-	53	38	39	31	40	41	39	-	40	50	30	-	31	55	71	37	55	34	34	
Niềm tin (có/không)																							
Thiên Chúa	70	82	-	70	55	62	18	70	58	65	-	51	33	29	-	41	89	92	34	59	36	58	
Một Thiên Chúa có nhân tính	-	82	20	48	20	23	10	8	39	43	-	18	17	19	6	15	36	35	6	30	10	34	
Tội lỗi	82	88	-	71	40	40	17	60	36	42	-	59	33	20	-	42	71	83	40	56	26	42	
Cuộc sống sau khi chết	53	70	-	53	23	29	10	31	23	30	-	41	19	14	-	26	48	51	17	26	15	28	
Địa ngục	44	57	-	40	14	19	3	21	15	19	-	22	10	10	-	12	37	57	13	25	9	ã	
Thiên đường	68	70	-	42	25	25	4	25	24	27	-	29	23	13	-	15	50	60	14	25	13	25	
Sự tái sinh	18	20	-	27	12	15	12	24	21	18	-	17	11	11	-	28	19	17	24	21	21	23	

Độc số liệu: 99% người trả lời của Ba Lan thuộc về một tôn giáo vào năm 1990, 96% vào năm 1999; Chú ý: Các nước được sắp xếp từ trái qua phải theo các tôn giáo: Công giáo (Ba Lan, Lithuania, Slovenia), hỗn hợp (Latvia, Hungary, Czechoslovakia cũ, Estonia, Đông Đức), Chính Thống giáo (Romania, Nga, Bulgaria), và theo thứ tự suy giảm tình tôn giáo: (*) Đốt khi xuất hiện các biến số đáng ngạc nhiên từ năm 1990 đến 1999 có thể giải thích đó là sự kén tin cậy trong cuộc khảo sát năm 1990, đặc biệt ở Romania, Nga và Bulgaria, nhưng xu hướng này được xác nhận theo các cuộc khảo sát 1991 và 1998 của ISSP.

Bảng V: Diễn biến tôn giáo trong giới trẻ (18-29 tuổi) ở các nước Đông Âu từ năm 1981 (hoặc 1990) tới 1999 (Các cuộc khảo sát giá trị của Châu Âu)

	Ba Lan		Litmania		Slovenia		Latvia*		Hungary		Czechoslovakia		Đông Đức		Estonia*		Romania*		Nga*		Bulgaria*		
	90	99	90	99	90	99	90	99	90	99	90	99	90	99	90	99	90	99	90	99	90	99	
Quy thuộc và thực hành																							
Thuộc về một hệ phái tôn giáo	98	94	52	72	69	65	29	44	37	43	36	41	24	29	10	14	90	98	31	43	29	62	
- Công giáo	93	91	-	66	63	61	-	18	26	33	32	33	11	4	-	-	2	9	23	5	5	0	
- Tin Lành	3	2	-	2	á	1	-	12	10	8	4	6	12	24	-	-	3	2	á	0.5	1	1	
- Chính thống giáo	0	0	0	0	á	á	-	12	5	5	0	5	-	-	-	-	85	85	40	38	15	51	
Tham dự ít nhất một lần/tháng	89	74	-	17	31	24	3	11	9	10	17	23	12	9	0	4	17	34	4	7	8	23	
Tâm quan trọng của dịch vụ TG/sinh ra 90/99	89	97	76	76	70	64	68	50	68	64	46	49	19	20	54	46	81	93	66	66	66	60	
Tâm quan trọng của dịch vụ TG/kết hôn 90/99	93	90	72	71	67	62	60	67	68	71	44	50	30	29	50	56	88	95	45	45	71	67	
Tâm quan trọng của dịch vụ TG/qua đời 90/99	91	93	78	81	74	73	70	77	83	77	62	57	46	33	61	59	80	94	61	69	78	74	
Tình tôn giáo nói chung, các giáo hội																							
Tự nhận mình là người có tôn giáo	89	91	30	62	48	60	31	65	30	46	33	48	20	20	17	28	63	75	45	58	24	38	
Cầu nguyện, thiện hoặc chiêm niệm	83	82	-	46	34	38	25	60	42	45	-	43	38	27	-	41	80	87	28	24	29	30	
Nhận được sự thoải mái và sức mạnh từ tôn giáo	71	72	-	44	29	34	10	45	21	31	-	30	18	22	-	18	57	72	15	38	20	28	
Tự tin vào Giáo hội	82	68	61	47	34	29	59	57	33	35	32	32	30	22	48	32	59	71	56	54	28	29	
Giáo hội đáp ứng các nhu cầu tâm linh	-	72	-	42	50	60	32	59	29	50	-	61	49	35	-	44	67	75	33	58	44	41	
Giáo hội đáp ứng các vấn đề, nhu cầu luân lý	-	42	-	35	30	30	28	35	20	27	-	34	38	30	-	21	44	64	30	48	26	30	
Niềm tin (có/không)																							
Thiên Chúa	95	96	-	58	45	55	17	65	35	51	-	46	21	24	-	34	82	89	30	57	31	57	
Một Thiên Chúa có nhân tính	-	82	10	33	14	20	7	6	21	36	-	12	11	14	4	12	26	28	3	23	8	31	
Tội lỗi	84	88	-	63	35	36	17	65	23	41	-	52	23	16	-	37	64	84	36	58	21	41	
Cuộc sống sau khi chết	61	76	-	46	20	34	13	38	17	34	-	45	15	14	-	31	42	63	15	36	16	33	
Địa ngục	45	64	-	30	13	15	3	28	9	19	-	21	6	11	-	13	31	61	12	30	9	28	
Thiên đàng	70	77	-	32	19	23	4	32	14	27	-	27	16	13	-	14	40	66	12	29	12	32	
Sự tái sinh	25	26	-	30	16	26	17	35	20	27	-	25	9	12	-	39	23	24	16	35	29	35	

Độc số liệu: 98% người trẻ Ba Lan trả lời thuộc về một hệ phái tôn giáo vào năm 1990, 94% vào năm 1999; Chú ý: Các nước được sắp xếp từ trái qua phải theo các tôn giáo: Công giáo (Ba Lan, Litmania, Slovenia), hõn hõp (Latvia, Hungary, Czechoslovakia, Estonia, Đông Đức), Chính Thống giáo (Romania, Nga, Bulgaria), và theo trật tự suy giảm tính tôn giáo; *Đôi khi có các biến số gây ngạc nhiên từ năm 1990 đến 1999 có thể được giải thích đó là sự kém tin cậy trong cuộc khảo sát năm 1990, đặc biệt ở Romania, Nga và Bulgaria, nhưng xu hướng này được xác nhận theo các cuộc khảo sát 1991 và 1998 của ISSP.

(3) Đối với những trường hợp thuộc cấp độ trung bình, như Czechoslovakia (đặc biệt là khi trở thành Cộng hòa Séc), Hungary, và Slovenia. Nhìn chung các nước này có quá trình công nghiệp hóa mạnh hơn các nước khác ở thời điểm mà chủ nghĩa cộng sản thống trị, và do đó được phương tây hóa, thể tục hóa hơn. Hoạt động chống lại tôn giáo làm mạnh thêm thể tục hóa, ít nhất cho tới cuối những năm 1970, nhưng người dân vẫn không chịu theo chủ nghĩa cộng sản (cuộc nổi dậy năm 1956 ở Hungary, sự kiện Prague Spring vào năm 1968); sai lầm về kinh tế của chủ nghĩa cộng sản đã dẫn tới sự sụp đổ trước đây, và sự trở lại của tính tôn giáo đã được thể hiện ngay từ đầu những năm 1980. Điều này có lẽ cũng đúng với trường hợp Đông Đức, ngoại trừ những điều như đã đề cập, ở đây đã diễn ra quá trình giải Kitô giáo lâu dài và sự sụt giảm tính tôn giáo cũng là đặc trưng của giới trẻ.

Phân tích này chỉ ra ảnh hưởng của ba yếu tố chính: hệ phái, mức độ ban đầu của hiện đại hóa, và vai trò của tôn giáo đối với bản sắc dân tộc. Một số phân tích cũng chỉ ra ảnh hưởng của vai trò giáo hội đối với các tầng lớp xã hội khác nhau. Trước chủ nghĩa cộng sản, tại các nước diễn ra hiện đại hóa sớm, sự ủng hộ vô sản hóa chủ nghĩa xã hội (pro-socialist proletariat) đã phát triển và trở thành đối lập với giáo hội bảo thủ. Mặt khác, ở Ba Lan các nhà quản lý công nghiệp phần lớn là những người Đức theo Tin Lành, trong khi các công nhân, là người Công giáo đã nhận được sự hỗ trợ từ giáo sĩ. Với một tầng lớp lao động với bản sắc Công giáo mạnh mẽ và vẫn chưa được hiện đại hóa, cùng nhiều nhân tố khác đã dẫn tới việc duy trì tính tôn giáo mức độ cao ở Ba Lan. Còn ở Đông Đức, có nhiều yếu tố dẫn tới sụt giảm tôn giáo, chủ yếu là với Tin Lành Luther, do không có kết nối bản sắc giữa dân tộc và tôn giáo, do quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa sớm, và do giáo hội tự thỏa hiệp với tầng lớp thống trị cũ. Ở Nga, Giáo hội Chính Thống giáo bị phản ứng dữ dội do có liên hệ mật thiết với chế độ áp bức Tsarist, và tình trạng này cũng diễn ra tương tự ở các nước Chính Thống giáo khác. Sử dụng phân tích đa biến để kiểm tra các ảnh hưởng của hệ phái và hiện đại hóa (GNP trên dân cư) đối với mức độ tính tôn giáo của dân số trên diện rộng của quốc gia, Gert Pickel (2003) đã cho thấy hệ phái là yếu tố quyết định mạnh nhất, trong đó Công giáo có liên quan tới mức độ tính tôn giáo tăng cao

hơn. Nhưng với sự gia tăng mạnh của tính tôn giáo trong bối cảnh các nước Chính Thống giáo, thì chúng tôi không thể chắc chắn những kết quả tương tự với riêng những người trẻ.

Cuối cùng, rất nhiều tác giả đã chỉ ra rằng chủ nghĩa cộng sản có thể lúc đầu đã thúc đẩy hiện đại hóa nhanh chóng, đặc biệt ở các nước công nghiệp hóa kém, tại đó chủ nghĩa cộng sản đã đem lại giáo dục, các dịch vụ (nước, điện, giao thông), các tiện nghi cơ bản, đô thị hóa. Từ năm 1950 đến 1970, nền kinh tế Đông Âu phát triển gấp 2,5 lần so với Tây Âu (Zrincsak, 2003). Hơn nữa, thời điểm đó chủ nghĩa cộng sản đang trở nên thống trị trên toàn thế giới. Ở các nước có dữ liệu điều tra đáng tin cậy liên tục (Croatia, Slovenia, Ba Lan, Hungary), tính tôn giáo thấp nhất vào khoảng năm 1970, và đặc biệt thấp trong giới trẻ, những công nhân công nghiệp, trình độ học vấn cao và các cư dân thành thị. Đáng kể, trong nhóm các nước đầu tiên, thế hệ đạt tới tuổi trưởng thành tại thời điểm đó cho thấy tỷ lệ đi lễ nhà thờ lúc 12 tuổi thấp nhất; đây cũng là thế hệ đầu tiên được nuôi dạy mà không có sự xã hội hóa tôn giáo - ít hay nhiều đó là thế hệ đầu tiên sau chiến tranh. Nhưng vào những năm 1970 và 1980, khi công nghiệp hóa và giai đoạn hiện đại hóa cơ bản đã vượt qua, chủ nghĩa cộng sản dần dần “xẹp đi” và phần lớn đã bị Phương Tây vượt qua, đồng thời mất đi uy tín về tư tưởng và chính trị. Sự thật là trong 4 nước này, tất cả đều giữ được một loạt thống kê, trong đó tính tôn giáo đã bắt đầu tăng nhẹ trong giới trẻ vào cuối những năm 1970 (Zrincsak, 2003). Cuối cùng, “sự trở lại của tính tôn giáo” được cho là sẽ diễn ra sau sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản nhưng đã thể hiện một cách yếu ớt hơn so với dự đoán, có lẽ do chính sự ngờ vực gây ra bởi các yêu sách của giáo hội đối với tài sản trước đây hoặc các nỗ lực của giáo hội để gây ảnh hưởng tới tư duy và ý thức của người dân - quả nhiên, điều này đã khiến các giáo hội giữ một cách ứng xử kín đáo hơn (Luzny và Navratilova, 2001). Tuy nhiên, hiện có một sự gia tăng rõ ràng tính tôn giáo có thể nhận thấy, đặc biệt là ở những người trẻ. Các nguyên nhân dẫn tới điều đó có thể do liên quan tới sự vỡ mộng với hậu chủ nghĩa cộng sản và các tác động tương tự như vậy đối với sự biến đổi ở Phương Tây.

(Kỳ sau đăng tiếp)

Dương Văn Biên dịch.

CHÚ THÍCH:

- 1 Cuộc điều khảo sát giá trị Châu Âu và ISSP là hai chương trình khảo sát quốc tế rộng lớn nhất ngày nay. Các tập dữ liệu được cung cấp bởi Trung tâm Thông tin về các dữ liệu chính trị, xã hội (Centre d'Informations des Données Socio-Politiques - CIDSP) của Viện Nghiên cứu Chính sách Grenoble (Institut d'Études Politiques of Grenoble). Tôi xin cảm ơn Trung tâm cũng như cá nhân Lucien Karpik. Cuộc khảo sát 1991 đã bao quát 6 nước Tây Âu (Ireland, Italia, Tây Đức, Anh, Phần Lan và Na Uy), 4 nước Đông Âu (Đông Đức, Hungary, Ba Lan, và Slovenia), Nga, Canada, và Hoa Kỳ. Cuộc khảo sát năm 1998 có các nước Châu Âu được thêm vào gồm: Bồ Đào Nha, Pháp, Australia, Thụy Sĩ, Đan Mạch, Thụy Điển, Latvia, Cộng hòa Séc, Slovakia và Bulgaria.
- 2 Thuật ngữ “tính tôn giáo” (religiosity) ở đây biểu thị cấp độ tổng thể của các chỉ báo tôn giáo. Bản thân nó không phải là một chỉ số mà là một khái niệm đưa ra để thuận tiện cho việc đề cập tới các biến số tôn giáo có mối liên hệ bên trong của các cuộc khảo sát Châu Âu. Tất cả các biến số này có thể liên quan tới Kitô giáo, ngoại trừ trường hợp niềm tin vào sự tái sinh.
- 3 Tôi xin cảm ơn Roland Campiche và Raphael Boquet trong công trình *Observatoire des Religions* (Đại học Lausanne) đã giúp chuẩn bị sẵn cho phân tích cụ thể về những dữ liệu điều tra này qua độ tuổi.
- 4 Nếu so sánh các xu hướng ở các nước bằng việc sử dụng dữ liệu từ các cuộc khảo sát giá trị năm 1990 và năm 1999, và sau đó là dữ liệu từ các cuộc khảo sát ISSP năm 1991 và năm 1998 (trong 6 nước), chúng tôi nhận thấy một xu hướng nổi trội tương tự ở 4 nước là Ireland, Anh, Hà Lan, Áo - nhưng xu hướng đối lập lại diễn ra ở Italia và Tây Đức, nơi mà tính tôn giáo có sự sa sút. Điều lưu ý rằng các mẫu với những người ở độ tuổi 18-29 là nhỏ và chỉ có một câu hỏi đó là về việc tham dự các dịch vụ tôn giáo được xác định trong hai chương trình điều tra này, nhưng các xu hướng từ chương trình khảo sát này đến chương trình khảo sát khác có thể vẫn nhất quán. Trong thực tế, có lẽ khảo sát ISSP năm 1991 thiếu tính đại diện đối với sự quy thuộc tôn giáo và do đó cấp độ tính tôn giáo của năm này đối với Italia và Đức cũng thiếu tính đại diện, vì thế mà khi chỉ ra sự tiến triển tổng thể thì có yếu đi từ năm 1991 tới năm 1999. Trong khi đó, cuộc khảo sát giá trị năm 1999 lại bao gồm một lượng đại diện quá lớn cho những người theo tôn giáo ở Italia (so với các cuộc thăm dò hiện tại), do đó cho thấy xu hướng tăng phóng đại về tính tôn giáo.
- 5 Các đồng nghiệp được tham vấn tại Italia, Bồ Đào Nha, Anh, Bỉ, Hà Lan, và Đan Mạch cho biết họ vẫn chưa có một giải thích thỏa đáng bởi vì họ không biết được có những nguyên nhân nào trong số các nguyên nhân khả thi có thể dẫn tới sự sụt giảm hoặc trở lại của tính tôn giáo để đem tới một sự giải thích sâu xa nhất về hiện tượng này.
- 6 Theo Europa.eu, người làm nghề tự do (liberal professions) ở các nước Châu Âu là những người có trình độ cao, bao gồm các nghề như luật sư, công chứng viên, kỹ sư, kiến trúc sư, bác sĩ, nha sĩ và kế toán - DVB.

Abstract**TRENDS IN RELIGIOUS FEELING
IN EUROPE AND RUSSIA**

The 1981 and 1990 European Values Surveys showed a decline for almost all religious variables, a decline even sharper among young people, except for belief in an afterlife. The younger the respondents, the less religious they were likely to be. These results confirmed the thesis of increasing secularization in Europe and the West. However, the most recent, 1999 survey shows this downward trend to be counterbalanced by two other tendencies: internal Christian renewal and increased “believing without belonging”, both phenomena that are clearly more developed among young people. The respective strengths of these three developments vary by country surveyed. The same phenomena are even more pronounced in Eastern European (former communist bloc) countries and in Russia, once again particularly among young people. The changes may be interpreted as a turning point after the break with religiosity that characterized the 1960s and 70s.